

Bản án số: 238/2018/DS-PT
Ngày 28-9-2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Viết Văn**

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương** -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Trần Thị Ngoan;**
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc: tranh chấp thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân quận T.H., thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 297/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **T.X.Tn.**, sinh năm 1957. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: tổ 36, cụm 5 phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

Trú tại: số 6, ngõ 38/58 đường X.L., phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.X.Tn.: Luật sư **C.T.Vn.**,
Công ty Luật TNHH Chu Vân Royal. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **T.X.Cg.**, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: tổ 36, cụm 5 phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

Trú tại: số 2, ngõ 38/58 đường X.L., phường X.L., quận T.H., thành phố Hà

Nội.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam V.Qg., huyện L.Tj., tỉnh V.P..

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Cg.là: chị **N.L.Pg.**, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: tổ 36, cụm 5 phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội. (Theo Hợp đồng uỷ quyền số CC: 317.2018/HĐUQ, Quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/5/2018). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.X.Cg.: Luật sư **N.T.Qt.** và luật sư **H.V.Ah.**, Công ty Luật TNHH Châu Á. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **T.X.Tg.**, sinh năm 1960. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: tổ 36, cụm 5, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

Trú tại: số 7, ngõ 38/24/5 đường X.L., tổ 36, cụm 5, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

2. Ông **T.Đ.Cr.**, sinh năm 1962. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: tổ 37, cụm 5, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

Trú tại: số 3, ngõ 38/58/27 đường X.L., tổ 37 cụm 5, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

3. Bà **T.T.T.M.**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: tổ 36, cụm 5, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

Trú tại: số 4, ngõ 38/58/6 đường X.L., tổ 36, cụm 5, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

4. Bà **T.T.T.Hg.**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: tổ 3, cụm 1, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

Trú tại: số 29, ngõ 445/46 đường L.L.Qn., tổ 3 cụm 1, phường X.L., quận T.H., thành phố Hà Nội.

5. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 1, Q.Tg., quận H.Đ., thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P.H.T., Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông L.A.T., sinh năm 1974 (Giấy uỷ quyền số 2159/UQ-BQLCTGT ngày 24/9/2018). (Có mặt)

Theo kháng cáo của: Ông T.X.Tn. (là nguyên đơn trong vụ án), ông T.X.Cg. (là

bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2016 và các bản tự khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông T.X.Tn. trình bày:

Cụ N.T.V.mất ngày 8/2/2008 không để lại di chúc. Cụ V.có chồng là cụ T.X.Cn. mất ngày 18/2/2011, các cụ sinh được 06 người con gồm: Ông T.X.Tn. (nguyên đơn trong vụ án), ông T.X.Tg., ông T.Đ.Cr., bà T.T.T.M., bà T.T.T.Hg. và ông T.X.Cg. (bị đơn trong vụ án).

Trước năm 1993 cụ N.T.V.được HTX nông nghiệp tổng hợp dịch vụ Việt Triều giao đất để canh tác sản xuất tại khu Đa Báo, Gốc Đa. Cụ V.quản lý, sử dụng và sau khi cụ mất, ông T.X.Cg. tiếp tục canh tác trên mảnh đất này.

Do thừa đất trên nằm trong dự án mở đường vành đai 2, ngày 28/11/2014 UBND quận T.H. có quyết định số 3765/QĐ-UBND về việc thu hồi 323,33m² do hộ gia đình ông T.X.Cg. đang sử dụng tại tổ 18 cụm 2 X.L., T.H. để xây dựng tuyến đường vành đai 2 trên địa bàn phường X.L., quận T.H..

Cùng ngày 28/11/2014, UBND quận T.H. có quyết định số 3767/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án xây dựng đường vành đai 2 trên địa bàn quận T.H.. Cụ thể tại Điều 1 của quyết định nêu:

1. Họ và tên người được giao đất: N.T.V.
2. Họ và tên người sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất: T.X.Cg.
3. Địa chỉ nơi thu hồi đất: Khu Đa Báo - Gốc Đa, phường X.L., quận T.H.
4. Tổng số tiền hộ gia đình, cá nhân được nhận: 1.337.985.250 đồng. Trong đó bao gồm 1.332.766.260 là tiền bồi thường đất, 4.249.000 đồng là tiền nhà, công trình xây dựng và cây trồng trên đất và 969.990 đồng là tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng.

Ngày 8.4.2016 ông T.X.Tn. có đơn khởi kiện đề nghị tòa án chia thừa kế đối với số tiền được đền bù 323,33m² đất tại khu Đa Báo- Gốc Đa do cụ N.T.V.để lại là 1.332.766.260 đồng. Đối với số tiền đền bù cây cối và công trình xây dựng trên đất, nguyên đơn không yêu cầu mà xác định số tiền này là tài sản của ông Cg..

Tại lời khai ngày 21/12/2016 ông T.X.Cg. là bị đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tại khu Đa Báo – Góc Đa do Hợp tác xã nông nghiệp X.L. giao đất cho cụ N.T.V. từ năm 1960. Khoảng năm 1992, do sức khỏe yếu nên cụ V. đã giao lại đất này cho ông để tiếp tục canh tác.

Tại phiên tòa ông Cg. thay đổi lời khai và cho rằng diện tích đất này do ông và cụ V. khai hoang trước năm 1993, còn không phải do hợp tác xã giao. Ông trực tiếp canh tác và trồng đào. Năm 2007 nhà nước đã lấy một phần diện tích khoảng 23m², thời điểm này cụ V. còn sống nên cụ đã nhận tiền bồi thường. Năm 2014 nhà nước có phương án mở đường vành đai 2, diện tích còn lại của thửa đất là 323,33m² được nằm hoàn toàn trong chỉ giới giải phóng mặt bằng. Số tiền được nhà nước bồi thường khi thu hồi đất là 1.337.985.250 đồng. Ông xác định có công sức tôn tạo, duy trì mảnh đất này. Nay ông đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các ông, bà T.X.Tg., T.Đ.Cr., T.T.T.M., T.T.T.Hg. thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội trình bày: Dự án mở đường vành đai 2 được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt và để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng triển khai dự án, ngày 8/11/2014 UBND quận T.H. ban hành quyết định thu hồi đất số 3765/QĐ-UBND thu hồi diện tích 323,33m² tại khu Đa Báo-Góc Đa, phường X.L., quận T.H., Hà Nội. Ban quản lý dự án đã tiến hành chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng. Đối với phần diện tích giải tỏa của gia đình, do đang có đơn thư tranh chấp nên Ban Quản lý dự án chưa chi trả. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ban Quản lý dự án sẽ tiến hành chi trả sau khi có quyết định của Tòa án.

Bản án số 09/2017/DSST ngày 28/11/2017 Tòa án nhân dân quận T.H., thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện chia thừa kế của ông T.X.Tn..

Xác định di sản thừa kế cụ N.T.V. để lại là 323,33m² đất đã được bồi thường thực hiện dự án mở đường vành đai 2 có giá trị 1.332.766.260 đ.

Xác định thời điểm mở thừa kế năm 2008 khi cụ V. chết. Di sản cụ V. để lại có giá trị 1.332.766.260 đ trừ đi công sức bảo quản di sản 50.000.000 đ cho ông Cg., còn

lại chia 07 kỷ phần gồm cụ C., ông Tn., ông Tg., ông Cr., bà M., bà Hg., ông Cg.. Mỗi kỷ phần trị giá 183.252.323 đ.

Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ hai năm 2011 khi cụ C. chết. Di sản cụ C. để lại có giá trị 183.252.323 đ được chia cho 06 người con. Mỗi kỷ phần trị giá 30.542.053 đ

Ông Tn., ông Tg., ông Cr., bà M., bà Hg. mỗi người được nhận: 213.794.376 đ

Ông Cg. được nhận kỷ phần thừa kế và phần giá trị công trình xây dựng, cây cối và thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng. Tổng cộng là: 269.013.366 đ.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội tiến hành chi trả cho các đương sự số tiền như đã nêu ở trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn là ông T.X.Tn. và ông T.X.Cg. kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đã thống nhất, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ huyết thống: Cụ N.T.V. chết ngày 8/2/2008. Cụ V. có chồng là cụ T.X.Cn.. Cụ C. chết ngày 18/2/2011. Hai cụ chết đều không để lại di chúc. Sinh thời các cụ sinh được 06 (sáu) người con, (các cụ không có con nuôi, con riêng) gồm:

1. Ông T.X.Tn., sinh năm 1957.
2. Ông T.X.Tg., sinh năm 1960.
3. Ông T.Đ.Cr., sinh năm 1962.
4. Bà T.T.T.M., sinh năm 1967.
5. Bà T.T.T.Hg., sinh năm 1969.
6. Ông T.X.Cg., sinh năm 1976

Về di sản thừa kế:

1. Cụ N.T.V. có diện tích đất 323,33m² đã bị nhà nước thu hồi để thực hiện dự án xây dựng đường vành đai 2, phường X.L., quận T.H.. Số tiền được bồi thường về đất là 1.332.766.260 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng). Ngoài ra, về số tiền bồi thường về công trình xây dựng trên đất là 4.294.000 đồng và nếu bàn giao mặt bằng đúng tiến độ quy định sẽ

được thưởng số tiền: 969.990 đồng. Đối với số tiền bồi thường công trình xây dựng trên đất và thưởng tiền độ, các bên đương sự thống nhất để ông T.X.Cg. được hưởng.

2. Đối với số tiền bồi thường về đất là 1.332.766.260 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng), các bên đương sự thỏa thuận và thống nhất các ông bà T.X.Tn., T.X.Tg., T.Đ.Cr., T.T.T.M., T.T.T.Hg. mỗi người hưởng 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Số còn lại là 432.766.260 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi đồng) để ông T.X.Cg. (do bà N.L.Pg. đại diện) được hưởng.

Đại diện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội có ý kiến: Ban Quản lý dự án sẽ tiến hành chi trả tiền cho các đương sự theo quyết định có hiệu lực pháp luật của bản án dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Luật sư C.T.Vn., N.T.Qt., H.V.Ah. bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tn. và ông Cg. đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận nêu trên của các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Đơn kháng cáo của ông T.X.Tn. và ông T.X.Cg. trong thời hạn.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã thống nhất, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Về hình thức: đơn kháng cáo của ông T.X.Tn. và ông T.X.Cg. đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thủ tục nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của đương sự về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên toà phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không bị ép buộc và không trái đạo đức xã hội nên theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí:

Ông T.X.Tn., ông T.X.Cg., ông T.X.Tg., ông T.Đ.Cr., bà T.T.T.M., bà T.T.T.Hg. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T.X.Tn., ông T.X.Cg. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 5 Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

1. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, cụ thể:

1.1. Số tiền bồi thường về công trình xây dựng trên đất là 4.294.000 đồng (Bốn triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng) và số tiền bàn giao mặt bằng đúng tiến độ quy định được thưởng: 969.990 đồng (Chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi đồng), các đương sự thống nhất để ông T.X.Cg. được hưởng.

1.2. Số tiền bồi thường về đất là 1.332.766.260 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng), các bên đương sự thỏa thuận và thống nhất các ông bà T.X.Tn., T.X.Tg., T.Đ.Cr., T.T.T.M., T.T.T.Hg. mỗi người hưởng 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Số còn lại là 432.766.260 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi đồng) để ông T.X.Cg. được hưởng.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội tiến hành chi trả cho các đương sự số tiền như đã nêu ở trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:*

- Ông T.X.Tn., ông T.X.Tg., ông T.Đ.Cr., bà Trịnh Thanh Mai, bà T.T.T.Hg., mỗi người phải nộp 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Số tiền ông T.X.Tn. đã nộp số 5.550.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2012/05876 ngày 18/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.H., được trừ vào số tiền 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ông Tn. phải nộp. Ông Tn. còn phải nộp tiếp 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

- Ông T.X.Cg. phải nộp 21.310.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:*

- Ông T.X.Tn. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Tn. đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2012/06451 ngày 20/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T.H., thành phố Hà Nội

- Ông T.X.Cg. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận T.H.;
- Chi cục THADS quận T.H.;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Tiến Dũng